

DỰ THẢO

**LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CẢNH VỆ**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"Đối tượng cảnh vệ là người giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam; khu vực trọng yếu; sự kiện đặc biệt quan trọng và đối tượng khác được áp dụng chế độ, biện pháp cảnh vệ theo quy định của Luật này".

b) Bổ sung các khoản 7, 8, 9, 10 vào sau khoản 6 như sau:

"7. *Chế độ cảnh vệ* là những chính sách mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho đối tượng cảnh vệ quy định tại Điều 10 Luật này.

8. *Kiểm tra an ninh, an toàn* là biện pháp cảnh vệ được lực lượng Cảnh vệ áp dụng để phát hiện vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất cháy, chất độc sinh học, chất độc hóa học, chất phóng xạ và các nguy cơ khác nhằm phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các nguy cơ mất an ninh, an toàn đối tượng cảnh vệ.

9. *Kiểm nghiệm thức ăn, nước uống* là biện pháp cảnh vệ được lực lượng Cảnh vệ áp dụng nhằm kịp thời phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các nguy cơ đầu độc, ngộ độc từ thức ăn, nước uống.

10. *Sử dụng thẻ, phù hiệu* là biện pháp cảnh vệ được lực lượng Cảnh vệ áp dụng để kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra, vào khu vực bảo vệ".

2. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 6 như sau:

"3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi tên gọi khoản 1 như sau:

"Người giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bao gồm:"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 như sau:

"e) Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 như sau:

"h. Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ".

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Cấp phó của người đứng đầu Nhà nước, cơ quan lập pháp, Chính phủ, trên nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại"

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

"d) Khách mời khác theo đề nghị của Trưởng Ban đối ngoại Trung ương, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, trên nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại".

e) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 như sau:

"đ. Hội nghị, lễ hội do Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ tổ chức có đối tượng cảnh vệ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này tham dự; đại hội đại biểu toàn quốc do tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tổ chức; hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam có đối tượng cảnh vệ quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này tham dự".

g) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Căn cứ tình hình an ninh chính trị trong từng giai đoạn, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung đối tượng cảnh vệ và việc áp dụng chế độ, biện pháp cảnh vệ phù hợp với quy định tại các Điều 11, 11a, 12, 12a, 13 và 14 của Luật này.

h) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

"6. Trong trường hợp cấp thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm công tác đối ngoại, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định áp dụng biện pháp cảnh vệ phù hợp đối với đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại Điều này".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Chế độ cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh chủ chốt, cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Đối với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

- a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;
- b) Được bảo vệ nơi ở;
- c) Được bảo vệ nơi làm việc;
- d) Được bảo vệ địa điểm hoạt động;
- đ) Được bảo đảm an ninh, an toàn về đồ dùng, vật phẩm, thức ăn, nước uống, phương tiện đi lại;
- e) Khi đi công tác bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường; đi bằng tàu hỏa được bố trí toa riêng; đi bằng tàu bay được sử dụng chuyên khoang hoặc chuyên cơ; đi bằng tàu thủy được sử dụng tàu riêng có phương tiện dẫn đường, hộ tống bảo vệ.

2. Đối với nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Thủ tướng Chính phủ

- a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;
- b) Được bảo vệ nơi ở.

3. Đối với Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

- a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;
- b) Được bảo vệ nơi ở;
- c) Được bảo vệ nơi làm việc;

d) Khi đi công tác trong nước bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong trường hợp cần thiết.

4. Đối với Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ

- a) Được bố trí sĩ quan bảo vệ tiếp cận;

b) Khi đi công tác trong nước bằng ô tô được bố trí xe cảnh sát dẫn đường trong trường hợp cần thiết.

5. Trường hợp một người hưởng nhiều chế độ cảnh vệ khác nhau thì người đó được hưởng chế độ cảnh vệ ở mức cao nhất".

5. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11, cụ thể như sau:

"Điều 11a. Biện pháp cảnh vệ đối với người giữ chức vụ, chức danh chủ chốt, cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Đối với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

- a) Bảo vệ tiếp cận;
- b) Vũ trang tuần tra, canh gác nơi ở, nơi làm việc, địa điểm hoạt động;
- c) Kiểm tra an ninh, an toàn nơi ở, nơi làm việc, địa điểm hoạt động, đồ dùng, vật phẩm, phương tiện đi lại;
- d) Kiểm nghiệm thức ăn, nước uống trước khi sử dụng;
- đ) Bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát xây dựng, triển khai phương án bảo vệ;
- e) Ứng dụng khoa học và công nghệ, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại;

g) Sử dụng thẻ, phù hiệu;

h) Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

2. Đối với nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Thủ tướng Chính phủ

a) Bảo vệ tiếp cận;

b) Vũ trang tuần tra, canh gác nơi ở.

3. Đối với Thường trực Ban Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Bảo vệ tiếp cận;

b) Vũ trang tuần tra, canh gác nơi ở, nơi làm việc;

c) Bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát để xây dựng, triển khai phương án bảo vệ trong trường hợp cần thiết;

d) Ứng dụng khoa học và công nghệ, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại;

đ) Sử dụng thẻ, phù hiệu;

e) Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

4. Đối với Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Quốc hội, Phó Thủ tướng Chính phủ

a) Bảo vệ tiếp cận;

b) Bố trí lực lượng đi trước nắm tình hình, khảo sát để xây dựng, triển khai phương án bảo vệ trong trường hợp cần thiết;

c) Ứng dụng khoa học và công nghệ, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại;

d) Sử dụng thẻ, phù hiệu;

đ) Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân.

5. Khi tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội phức tạp, tăng cường lực lượng, phương tiện, biện pháp bảo vệ đối tượng cảnh vệ.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Chế độ cảnh vệ đối với khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam

1. Đối với Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này và được bố trí phương tiện hộ tống theo nghi lễ đối ngoại của Nhà nước.

Đối với Người đứng đầu cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm và làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này trên nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại và được bố trí phương tiện hộ tống theo nghi lễ đối ngoại của Nhà nước.

2. Đối với cấp phó của Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này.

Đối với cấp phó của Người đứng đầu Cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, được hưởng chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật này trên nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại.

3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Trưởng Ban đối ngoại Trung ương, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các chế độ cảnh vệ quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này".

7. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12, cụ thể như sau:

"Điều 12a. Biện pháp cảnh vệ đối với khách quốc tế khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam

1. Đối với Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này.

Đối với Người đứng đầu Cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm và làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này trên nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại.

2. Đối với cấp phó của Người đứng đầu Nhà nước, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ quy định tại điểm a, điểm e, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 11a của Luật này.

Đối với cấp phó của Người đứng đầu Cơ quan lập pháp các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam, áp dụng biện pháp cảnh vệ quy định tại điểm a, điểm e, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 11a của Luật này trên nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại.

3. Đối với khách mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc khách mời khác theo đề nghị của Trưởng Ban đối ngoại Trung ương, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam thì căn cứ vào yêu cầu đối ngoại và thông lệ quốc tế, đề nghị của phía khách mời và tình hình thực tế để áp dụng một hoặc các biện pháp cảnh vệ quy định tại khoản 1 Điều 11a của Luật này".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

"Điều 13. Biện pháp cảnh vệ đối với khu vực trọng yếu

1. Vũ trang tuần tra, canh gác.
2. Kiểm tra, kiểm soát người, đồ vật và phương tiện ra, vào khu vực.
3. Kiểm tra an ninh, an toàn.
4. Biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia và Luật Công an nhân dân".

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

"1. Có quyền yêu cầu lực lượng Cảnh vệ thực hiện chế độ, biện pháp cảnh vệ theo quy định tại Điều 11, Điều 11a, Điều 12 và Điều 12a của Luật này".

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

"1. Lực lượng Cảnh vệ, gồm: Lực lượng Cảnh vệ Công an nhân dân và lực lượng Cảnh vệ Quân đội nhân dân".

11. Bổ sung các điểm g, h, i, k vào sau điểm e khoản 1 Điều 18:

"g) Huấn luyện, bồi dưỡng điều lệnh, quân sự, võ thuật, kỹ thuật, chiến thuật đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng Công an nhân dân và lực lượng khác tham gia, phối hợp thực hiện công tác cảnh vệ;

h) Huấn luyện nâng cao, huấn luyện đặc thù, diễn tập phương án tác chiến thực hiện nhiệm vụ cảnh vệ;

i) Quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ phục vụ nhiệm vụ cảnh vệ;

k) Bộ trưởng Bộ Công an quy định chế độ huấn luyện nâng cao, huấn luyện đặc thù, diễn tập phương án tác chiến, ra quân thực hiện nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ".

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

a) Bổ sung điểm g1 và g2 vào sau điểm g khoản 1 Điều 20:

"g1) Quyết định phát hành thẻ, phù hiệu phục vụ công tác cảnh vệ;

g2) Trong trường hợp đã sử dụng tất cả các nguồn nhân lực và phương tiện thiết bị mang theo mà không đáp ứng được công tác cảnh vệ, quyết định thuê lực lượng, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật để bảo vệ đối tượng cảnh vệ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 10 khi đi công tác nước ngoài".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh Quân đội có quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g1, g2 và h khoản 1 Điều 20 của Luật này".

13. Bổ sung Điều 20a sau Điều 20; cụ thể như sau:

"Điều 20a. Sử dụng Giấy Bảo vệ đặc biệt

1. Giấy Bảo vệ đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Công an cấp cho sĩ quan cảnh vệ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân sử dụng để thực hiện công tác cảnh vệ.

2. Giấy Bảo vệ đặc biệt chỉ được sử dụng để thực hiện công tác cảnh vệ.

3. Bộ trưởng Bộ Công an có thẩm quyền cấp, đổi, cấp lại, tiêu hủy Giấy Bảo vệ đặc biệt.

4. Trách nhiệm của đối tượng được giao Giấy Bảo vệ đặc biệt

- a) Chỉ sử dụng Giấy Bảo vệ đặc biệt khi thực hiện nhiệm vụ cảnh vệ;
- b) Bảo quản và sử dụng Giấy Bảo vệ đặc biệt đúng mục đích;
- c) Báo cáo ngay lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý trong trường hợp Giấy Bảo vệ đặc biệt được giao bị mất, hư hỏng".

14. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 25 như sau:

"4a. Quy định cụ thể về biện pháp cảnh vệ theo quy định của Luật này".

15. Thay cụm từ "thuộc Bộ Công an" bằng cụm từ "Công an nhân dân" tại khoản 6 Điều 3, khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 18, khoản 4, khoản 7 Điều 25 và thay cụm từ "thuộc Bộ Quốc phòng" bằng cụm từ "Quân đội nhân dân" tại khoản 6 Điều 3, khoản 2 Điều 18, khoản 4 Điều 25, khoản 5 Điều 26.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ